

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2025/DS-ST

Ngày: 22/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Đình Tiến;
- Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1301/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở chính: Số B - B, đường N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 - Đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 713/2025/UQ-TGD ngày 24/02/2025); Địa chỉ: Số B - B, đường N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Phước P, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Số A, đường N, phường T (phường Đ, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn ông Lê Phước P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Lê Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/4/2008, ông Lê Phước P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số tài khoản 3107535043 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.137.112 đồng, phí trễ hạn 320.000 đồng, lãi 23.502.145 đồng, phí 299.000 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 90.863.522 đồng (thứ tự thanh toán căn theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/01/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 01/01/2018 thành nợ gốc là 6.594.619 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Kể từ ngày 01/01/2018, ông P chỉ phải chịu khoản tiền lãi quá hạn mà không bị tính thêm các loại phí nào khác.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Phước P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 22/9/2025 là 26.599.777 đồng (bao gồm nợ gốc là 6.594.619 đồng và nợ lãi là 20.005.158 đồng). Và ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông P có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Phước P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Phước P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 22/9/2025 là 26.599.777 đồng (bao gồm nợ gốc là 6.594.619 đồng và nợ lãi là 20.005.158 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Phước P thanh toán số nợ còn lại của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên. Căn cứ kết quả xác minh ngày 28/5/2025 của Công an phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại đây, đi đâu không rõ. Do đó, có cơ sở xác định địa chỉ số A, đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ ông P đã từng cư trú mà nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và đó cũng là địa chỉ giao kết trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”. Và căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi và điểm đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, có chữ ký xác nhận của ông Lê Phước P và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định ngày 11/4/2008 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông P với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 11/4/2008

giữa Ngân hàng và ông P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[2.2]. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.137.112 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 90.863.522 đồng (thứ tự thanh toán căn theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[2.3]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 22/9/2025 với tổng số tiền là 74.137.112 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 90.863.522 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/01/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 6.594.619 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy ông P đã thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Phước P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 6.594.619 đồng.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi:

[3.1]. Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/07/2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S1 ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam thì mức lãi suất được thỏa thuận đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế S1 phát hành cho khách hàng là 2,15%/tháng. Tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 01/01/2018, Ngân hàng chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 6.594.619 đồng sang nợ quá hạn theo mức lãi suất 3,225%/tháng ($2,15 \times 150\%$) được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày 22/9/2025 là 20.005.158 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu

ai cùng với ông P thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông P đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông P.

[5]. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Phước P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến 22/9/2025 là 26.599.777 đồng (bao gồm nợ gốc là 6.594.619 đồng và nợ lãi là 20.005.158 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn ông Lê Phước P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.329.989 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Lê Phước P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/4/2008 giữa ông Lê Phước P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày

22/9/2025 là 26.599.777 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 6.594.619 đồng và nợ lãi là 20.005.158 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Phước P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 11/4/2008.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Phước P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.329.989 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.650 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0079643 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Lê Phước P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tâm